

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG
VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

**TP. HỒ CHÍ MINH
03-2019**

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam
Năm báo cáo/Year 2018

I. Thông tin chung/ General information

1. *Thông tin khái quát/ General information*

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam**
- Tên viết tắt: **VIPESCO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 0300408946 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01/11/2018.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 244.607.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 244.607.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng)
- Địa chỉ/*Address*: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại/*Telephone*: 028 38295730 - 028 38296378 - 028 38258853
- Số fax/*Fax*: 028 38230752
- *Website*: www.vipesco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: VPS

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- *Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam- VIPESCO tự hào là nhà sản xuất nông dược uy tín, gắn bó lâu dài cùng sự phát triển của nền nông nghiệp nước nhà với lịch sử phát triển hơn 40 năm qua.



Được thành lập vào năm 1976, Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam có tên gọi ban đầu là Công ty Thuốc sát trùng Miền Nam, được hình thành từ các xí nghiệp sản xuất thuốc BVTV tại Miền Nam.

Đến năm 1990 Công ty được đổi tên thành CÔNG TY THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM - VIPESCO nhằm phù hợp với tình hình sản xuất và kinh doanh ngày càng mở rộng và phát triển trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Vipesco cũng tiếp tục đầu tư xây dựng hai Chi nhánh tại Huế và Hà Nội để đảm bảo phục vụ kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước, Vipesco cũng rất coi trọng hợp tác và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài. Sản phẩm của Công ty hiện đang được xuất khẩu sang một số nước Châu Á như: Đài Loan, Myanmar, Malaysia, Campuchia...

Cùng với việc xuất khẩu sản phẩm, Vipesco còn có sự hợp tác về mặt kỹ thuật và công nghệ với nhiều công ty tại các nước khác nhau trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Công ty có 2 liên doanh đang hoạt động:

+ Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries: sản xuất kinh doanh nhang muỗi và bình xịt muỗi Mosfly.

+ Công ty TNHH sản xuất nông dược vi sinh Viguato: sản xuất kinh doanh thuốc trừ nấm bệnh cây trồng Validamycin.

Năm 2006, do yêu cầu cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM, trong đó Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Bộ Công Thương nắm giữ 51% vốn. Tiếp tục đà tăng trưởng, Công ty vẫn đang tiến hành đầu tư xây dựng thêm dây chuyền sản xuất theo công nghệ mới, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng phục vụ nền nông nghiệp xanh sạch, bền vững với mục tiêu vừa bảo đảm lợi ích cộng đồng, vừa bảo đảm quyền lợi của cổ đông Công ty.

VIPESCO là nhà cung cấp có uy tín và quen thuộc nhất với nông dân, mọi hoạt động của Công ty đều hướng về nông dân Việt Nam với Slogan: “VIPESCO - NHÀ NÔNG THỊNH VƯỢNG”.

Những cột mốc phát triển quan trọng

19/4/1976	• Công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty Thuốc sát trùng Miền Nam, trực thuộc Tổng cục Hóa chất.
Năm 1990	• Tổng cục trưởng Tổng cục Hóa chất đổi tên Công ty thành Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam (Quyết định số 70/HC – TCLĐ ngày 24/02/1990).

Năm 1993	<ul style="list-style-type: none"> Bộ trưởng Bộ Công nghiệp thành lập lại Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam, với mức vốn là 99.573.000.000 đồng (Quyết định số 72/CNNg/TC ngày 13/02/1993).
Năm 2005	<ul style="list-style-type: none"> Công ty triển khai thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3494/QĐ-TCCB ngày 28/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam.
Tháng 6/2006	<ul style="list-style-type: none"> Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam (VIPESCO) chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103004735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2006 với vốn điều lệ 156.000.000.000 đồng (Nhà nước nắm giữ 51%)
Tháng 6/2007	<ul style="list-style-type: none"> Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận là công ty đại chúng.
Tháng 5/2008	<ul style="list-style-type: none"> Công ty tăng vốn điều lệ thành 174.719.940.000 đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu.
19/08/2015	<ul style="list-style-type: none"> Cổ phiếu của Công ty (Mã chứng khoán là VPS) chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên Sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
31/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> Công ty tăng vốn điều lệ lên 244.607.920.000 đồng bằng việc phân phối cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), phân bón, dịch vụ khử trùng và thuốc sát trùng gia dụng, vật tư phục vụ ngành nông nghiệp.

- *Địa bàn kinh doanh/Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

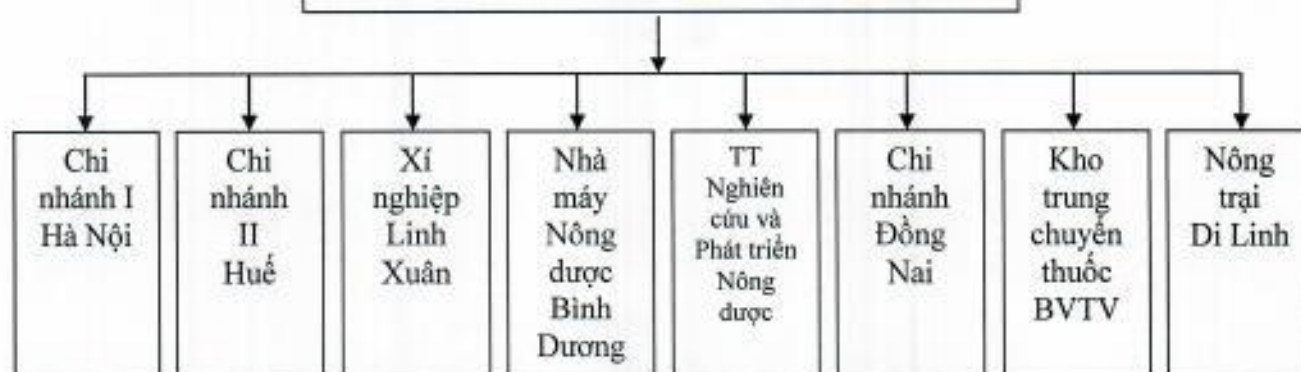
+ Trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

+ Xuất khẩu: Đài Loan, Cambodia, Myanmar.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- *Mô hình quản trị/ Governance model.*

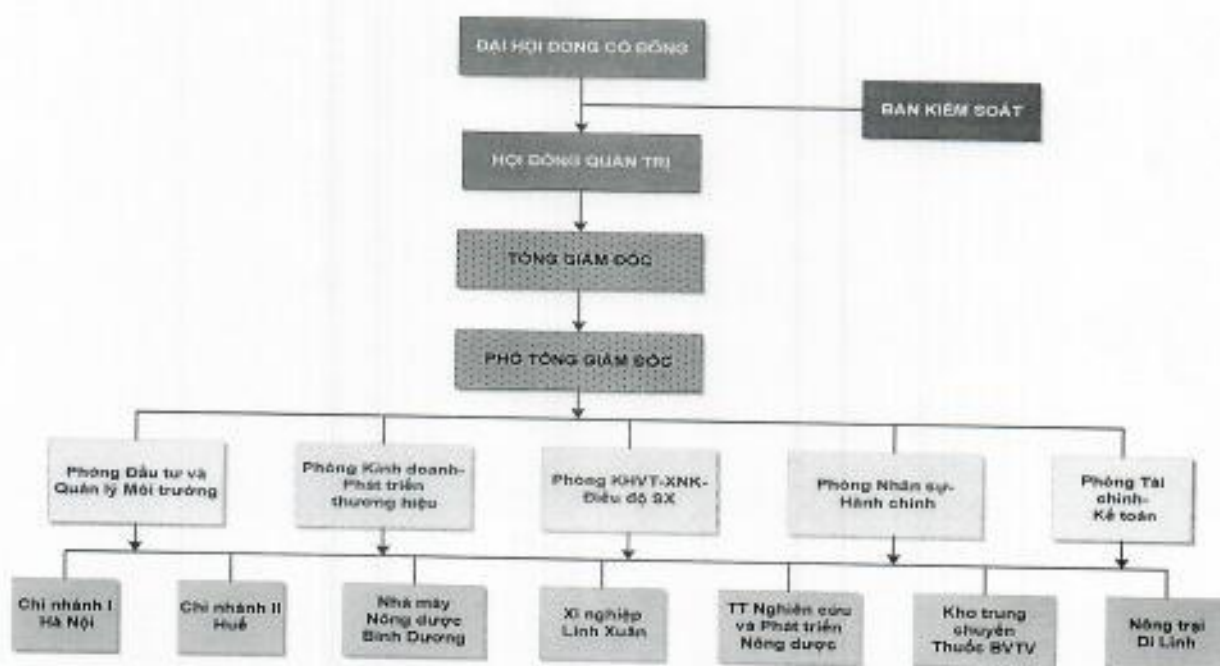
CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM



Trụ sở chính	
Địa chỉ:	102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại:	(84-28) 3822 4364 – 3829 8494 – 3829 5730 – 3825 8853
Fax:	(84-28) 3823 0752
Website:	www.vipesco.com.vn
Chi nhánh I	
Địa chỉ:	Số 2 Triệu Quốc Đạt, P. Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại:	(84-24) 3824 9395 – 3826 9417
Fax:	(84-24) 3826 9415
Chi nhánh II	
Địa chỉ:	Số 120 đường Nguyễn Văn Linh, Phường An Hòa, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế
Điện thoại:	(84-234) 3646 869 – 3546 871
Fax:	(84-234) 3546 872
Nhà máy Nông dược Bình Dương	
Địa chỉ:	138 DT 743, Phường Bình Thắng – Thị xã Dĩ An – Tỉnh Bình Dương
Điện thoại:	(84-274) 3751 952 – 3751 522
Fax:	(84-274) 3751 757
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông Dược	
Địa chỉ:	Số 127 Lê Lợi, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại:	(84-28) 3894 0324 – 3895 7248
Fax:	(84-28) 3895 5125
Xí nghiệp Linh Xuân	
Địa chỉ:	221/21 Đường QL1K, KP 5, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại:	(84-28) 3726 6951

Fax:	(84-28) 3896 6438
Kho Trung chuyên thuốc bảo vệ thực vật	
Địa chỉ:	Ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, Tiền Giang
Điện thoại:	(84-273) 200 0944
Fax:	(84-273) 375 6024
Nông trại Di Linh	
Địa chỉ:	Xã Đinh Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại:	(84-263) 387 3564
Fax:	(84-263) 3873564
Chi nhánh Đồng Nai	
Địa chỉ:	Số 149, Ấp Hưng Thịnh, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại:	(84-251) 3678015
Fax:	(84-251) 3678015

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure.*



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Công ty Con:

❖ **Công ty TNHH Sản xuất Nông dược Vi sinh VIGUATO**

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam: 75,24%

- Trụ sở: KP1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM

- Điện thoại: (84-28) 3873 1971 - Fax: (84-28) 3873 3654
- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất kinh doanh thuốc nông dược vi sinh Validamycin.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 25.627.806.332 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 27.772.526.318 đồng

Công ty liên doanh và liên kết:

❖ Công ty Cổ phần Trừ mối – Khử trùng

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam: 30,22%
- Trụ sở: 2/29 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (84-28) 38210245 - Fax: (84-28) 38212011
- E-mail: tcfc@hcm.fpt.vn - Website: www.tcfc.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ trừ côn trùng, khử trùng; trừ hại cho các loại cây trồng; kinh doanh cây hoa kiểng; xuất nhập khẩu thiết bị chuyên dùng để trừ mối-khử trùng.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 4.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 4.001.300.000 đồng

❖ Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries (MVI)

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam: 50,00%
- Trụ sở: Lô J4, đường N4, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (84-274) 3639 110 - Fax: (84-274) 3639 112
- Website: www.mosflyvn.com
- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất hoá mỹ phẩm, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 41.900.000.000 VNĐ
- Vốn điều lệ thực góp: 41.900.000.000 VNĐ

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

Trở thành Top 10 trong lĩnh sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Tập trung vào năng lực cốt lõi, nguồn lực hiện có và khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của ngành sản xuất thuốc bảo vệ thực vật để tạo nền tảng phát triển bền vững.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Hiện trạng, các Nhà máy sản xuất của Công ty đang nằm trong khu dân cư, ngoài khu công nghiệp tập trung, thuộc diện buộc phải di dời theo quy hoạch

của địa phương. Để ổn định việc phát triển lâu dài phải có định hướng đưa về sản xuất tập trung và ở trong khu công nghiệp nhằm tránh các xung đột với cộng đồng dân cư và phù hợp với quy hoạch cũng như được sự chấp thuận của chính quyền tỉnh nơi đặt nhà máy. Xuất phát từ nhu cầu cấp thiết cho việc phát triển bền vững này, Công ty đã thuê đất tại Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 – Long An với quy mô diện tích gần 5 ha và đang tiến hành xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập các thủ tục xin phép đầu tư (dự án đã được chấp thuận về mặt chủ trương của tỉnh Long An).

+ Dự kiến tiến hành xây dựng Nhà máy tại địa điểm nêu trên đáp ứng các yêu cầu để ổn định sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng các yêu cầu về môi trường, PCCC, an toàn lao động và có tính hiện đại, áp dụng được các công nghệ mới. Dự kiến quy mô công suất 20.000 tấn sản phẩm/năm.

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

- Rủi ro cạnh tranh

Ngành kinh doanh thuốc sát trùng là ngành mà trong đó mức độ tham gia mới của các đối thủ cạnh tranh là khá dễ dàng do chi phí đầu tư ban đầu không cao, công ty chỉ cần nhập hoạt chất về gia công, đóng gói bao bì và dán nhãn hiệu đem bán. Bên cạnh đó, tính đạo đức nghề nghiệp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa cao nên có thể xảy ra tình trạng bán hàng nhái, hàng giả, hàng kém phẩm chất, gây tổn thất vô cùng lớn cho sự tồn tại của Công ty và sự phát triển bền vững của ngành. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự cạnh tranh từ các sản phẩm tương tự của Trung Quốc với các chủng loại sản phẩm đa dạng và giá thành cạnh tranh hơn. Để giảm thiểu rủi ro cạnh tranh, Công ty chủ động đa dạng hóa các đối tượng khách hàng, tìm kiếm các thị trường mới cũng như xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng hiện tại.

- Rủi ro đặc thù ngành thuốc BVTV

Các sản phẩm của VIPESCO gắn liền với sản xuất nông nghiệp nên có tính mùa vụ rất cao. Vì thế, Công ty luôn chú trọng đến việc điều phối sản xuất hợp lý để đảm bảo nguồn cung cấp đầy đủ và hợp lý cho thị trường.

- Rủi ro do phải di dời Nhà máy, Xưởng sản xuất ra khỏi khu dân cư

Các Nhà máy, Xưởng sản xuất hiện nay của Công ty đều nằm trong khu dân cư, cần phải di dời về khu công nghiệp tập trung. Công ty đã có kế hoạch: song song với việc cải tạo nhà xưởng máy móc thiết bị tại nơi đang sản xuất để đảm bảo sản xuất xanh, sạch, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường (từ đó vẫn được tiếp tục sản xuất cho đến khi di dời theo kế hoạch). Công ty triển khai các bước nhằm tìm địa điểm thích hợp để di dời, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất của Công ty trên cả 3 miền. Với kế hoạch này, Công ty đảm bảo việc đầu tư nhà

máy mới được quy hoạch mặt bằng tối ưu và trang thiết bị hiện đại hơn, trong quá trình nâng dần công suất sẽ kết hợp với việc tiếp nhận dây chuyền từ Nhà máy cũ, không ảnh hưởng đến việc cung cấp sản phẩm của Công ty đến khách hàng truyền thống và khả năng mở rộng tiêu thụ trong tương lai.

- **Rủi ro nguyên liệu đầu vào**

Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hiện chủ yếu được nhập khẩu, vậy nên những rủi ro về biến động giá và nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào sẽ tác động trực tiếp tới giá thuốc bảo vệ thực vật trong nước cũng như khả năng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và VIPESCO nói riêng. Hơn 80% nguyên vật liệu của Công ty là nhập khẩu từ nước ngoài, chủ yếu là từ Trung Quốc, Ấn Độ, Đài Loan và Nhật Bản. Để giảm thiểu bớt rủi ro này, Công ty chủ động ký kết hợp đồng mua nguyên liệu từ các nhà cung cấp lớn, có năng lực và uy tín ở các quốc gia trên.

- **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Phần lớn nguyên liệu đầu vào của VIPESCO (các loại hóa chất) phải nhập khẩu, do đó, chi phí đầu vào của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của biến động tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên, trong các năm gần đây, Chính phủ duy trì chính sách tỷ giá ổn định nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng ít chịu ảnh hưởng bởi rủi ro tỷ giá hối đoái.

- **Rủi ro ô nhiễm môi trường**

Thuốc bảo vệ thực vật sử dụng nhiều loại hoá chất có ảnh hưởng nguy hại tới sức khoẻ con người và gây rủi ro ô nhiễm môi trường. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, VIPESCO đã áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO14000 nhằm kiểm soát môi trường trên cơ sở đánh giá các rủi ro ô nhiễm môi trường. Công ty đã đầu tư các hệ thống xử lý khí thải, nước thải, xử lý bụi – mùi, chất thải rắn phát sinh tại các cơ sở sản xuất – kinh doanh của Công ty đều được chuyển giao các đơn vị có chức năng xử lý đúng quy định.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

I. Tình hình chung năm 2018

Thị trường ngành thuốc BVTV trong năm 2018 là một năm rất kém khởi sắc, thời tiết đầu năm 2018 khá thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển cây trồng nhưng dịch hại ít. Đến nửa cuối năm 2018 diễn biến thời tiết phức tạp hiện tượng mưa lớn, lũ dâng cao xuất hiện trên diện rộng ở nhiều nơi đã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Dịch hại năm 2018 xuất hiện ít cộng với chủ trương siết chặt vấn đề môi trường thông qua giảm dư lượng sử dụng thuốc BVTV, việc cấm một số hoạt chất đã tác động lớn đến kết quả kinh doanh, doanh số sụt giảm ở hầu hết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc BVTV.

- Dịch hại ít nên nhu cầu sử dụng thuốc thấp, hàng tồn kho trong đại lý nhiều, nguồn vốn xoay vòng chậm, nên lượng tiền mặt đã phân nào bị hạn chế.
- Giá nông sản của các cây công nghiệp ngắn ngày như tiêu, cà phê, điều, cao su giảm mạnh, lợi nhuận trong sản xuất không đáng kể nên người nông dân hạn chế đầu tư, thậm chí không tái canh hoặc chuyển đổi sang trồng cây khác.
- Nguồn cung ứng nguyên liệu vật liệu khan hiếm, giá cao, tỉ giá đô la biến động tăng dẫn đến giá vốn tăng rất cao.

- Nguyên liệu, dung môi:

+ Nguyên liệu chính sản xuất thuốc BVTV trên thế giới phụ thuộc vào 2 nguồn sản xuất chủ yếu Trung Quốc và Ấn Độ. Các nhà máy ở Ấn Độ cũng nhập nguyên liệu gốc từ Trung Quốc. Từ năm 2016, Trung Quốc thay đổi chính sách, kiểm soát nghiêm ngặt những ngành sản xuất gây ô nhiễm môi trường. Trong đó thuốc BVTV bị ảnh hưởng nghiêm trọng: 70% số nhà máy không đạt yêu cầu xử lý chất thải buộc đóng cửa, số ít nhà máy đủ tiêu chuẩn thì phải sản xuất hạn chế theo định mức xả thải của chính phủ Trung Quốc. Tình trạng cung không đủ cầu khiến giá cả tăng vọt dẫn đến giá nguyên liệu gần bằng hoặc vượt giá nguyên liệu sản xuất từ Châu Âu.

+ Các nhà cung cấp chỉ chấp nhận thanh toán ngắn hạn hoặc thanh toán trước khi giao hàng, trong khi thị trường Việt Nam vẫn phải bán nợ, tạo áp lực hết sức khó khăn cho việc cung cấp nguyên liệu đầu vào, nhất là khi nông sản rớt giá, hoặc mất mùa vì thiên tai.

+ Tình hình khan hiếm sẽ không cải thiện trong các năm tiếp theo vì Trung Quốc vẫn tiếp tục duy trì chính sách làm sạch môi trường, hạn chế các ngành sản xuất độc hại.

+ Một số dung môi chính có nguồn gốc dầu mỏ như solvesso A100, xylen giá tăng 20% so với đầu năm.

- Bao bì:

+ Từ cuối năm 2017, do các biến động về nguồn cung giấy các loại đặc biệt là thị trường Trung Quốc đã cấm nhập khẩu giấy phế liệu. Do vậy các nhà nhập khẩu tăng cường nhập khẩu giấy thành phẩm từ Việt Nam, làm cho nguồn cung trong nước trở nên khan hiếm. Ngoài ra giá tăng còn do tác động của tỷ giá USD/VND.

+ Đối với bao bì dạng màng phức hợp mặc dù giá cả đã tăng đáng kể, nhưng các nhà cung cấp chưa tăng giá. Dự kiến tăng 5% vào năm 2019.

+ Đối với bao bì khác như: chai, lon nhựa giá đã tăng khoảng 5% kể từ tháng 6/2018.

- Lệnh cấm một số hoạt chất và hạn chế đối tượng sử dụng đã có những tác động nhất định làm giảm phần nào doanh số đối với các công ty.

- Ý thức của Nông dân về việc hạn chế dùng thuốc cũng đang làm ảnh hưởng đến doanh số kinh doanh thuốc BVTV.

Tính đến hết năm 2018, Công ty bị cấm 10 sản phẩm và 25 sản phẩm bị hạn chế đối tượng, làm ảnh hưởng lớn đến doanh số và lợi nhuận. Tuy thị trường có nhiều khó khăn nhưng một số mặt hàng chủ lực vẫn duy trì được doanh số như Fujione, Visen, Visher.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

- **Hoạt động kinh doanh & phát triển thương hiệu:**

- **Hệ thống phân phối:**

Năm 2018 nhu cầu về BVTV trong nước đã ở trạng thái bão hòa, việc tăng thị phần của công ty này là chiếm thị phần của công ty khác. Sự gia tăng nhanh chóng hệ thống đại lý bán lẻ dẫn đến việc hình thành hàng loạt các công ty nhỏ và rất nhỏ chuyên phân phối cho hệ thống này. Từ đây phát sinh rất nhiều hoạt động cạnh tranh và ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động thị trường theo cách làm truyền thống là phân phối qua các nhà phân phối lớn. Vì vậy Công ty đã thực hiện đẩy mạnh việc phát triển hệ thống phân phối:

- + Duy trì hệ thống cấp 1 hiện tại với hướng cộng tác chặt chẽ với họ trong phân phối hàng cho cấp 2 nhằm mục tiêu tăng lợi nhuận của họ từ đó sẽ xây dựng mối liên kết bền vững hơn.

- + Phát triển hệ thống cấp 2 lớn phân phối trực tiếp. Đây là xu hướng bắt buộc phải thực hiện, nếu không các công ty nhỏ sẽ giành hết hệ thống này. Ưu tiên các đại lý có năng lực cả về tài chính lẫn kiến thức về cây trồng.

- + Phối hợp với cấp 1 để xây dựng hệ thống cấp 2 bán hàng cho cấp 1 với ưu tiên ổn định lợi nhuận cho họ, tránh cạnh tranh phá giá lẫn nhau ngày càng gay gắt trong thời gian tới

- **Sản phẩm:**

- + Đa dạng bộ sản phẩm đang có theo hướng khoanh vùng để tăng sản lượng.

- + Khai thác các sản phẩm có hoạt chất cũ cho một vài thị trường ngách.

- + Tiến hành các đàm phán hợp tác phân phối sản phẩm của các công ty đa quốc gia, tập đoàn nước ngoài như Bayer, FMC, Nomura, ...

- + Đẩy nhanh công tác đăng ký sản phẩm mới bằng cách phối hợp chặt chẽ hơn với cục BVTV.

- **Chính sách bán hàng:**

- + Giữ được lợi nhuận cho khách hàng từ cấp một đến cấp hai là yêu cầu cho chính sách bán hàng năm 2018. Trên cơ sở phát triển hệ thống phân phối như nói ở trên, chiết khấu và khuyến mãi sẽ được phân bổ đúng đối tượng đúng chỗ,

từ đó phát triển thị trường không chỉ là quyền lợi mà là nghĩa vụ của khách hàng.

+ Tiếp tục chính sách thoả thuận sản lượng với khách hàng.

+ Áp dụng chính sách hỗ trợ thu tiền nhằm kích thích khách hàng mua hàng trả tiền ngay.

+ Thực hiện chương trình khuyến mại cho cấp 2 đối với một số sản phẩm có thị phần nhỏ, sức hút thị trường còn yếu để tăng doanh số nhằm bù vào phần doanh số giảm xuống của số sản phẩm chủ lực bị khan hiếm nguyên liệu hoặc bị ảnh hưởng bởi lệnh cấm lưu hành

+ Tiếp tục khuyến mại dạng thẻ cào - nhắn tin trúng thưởng cho nông dân đối với sản phẩm tiềm năng có doanh số và lợi nhuận tốt.

+ Thực hiện các chương trình kích thích đại lý cấp 2 mua hàng trung hạn và dài hạn như tích lũy điểm được tặng quà hoặc đi du lịch ...

+ Tăng cường bán ra các mặt hàng có lệnh cấm kinh doanh và sử dụng trong thời gian còn hiệu lực của quy định

+ Duy trì và đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước như Đài Loan, Myanmar, Cambodia.

- **Hoạt động Marketing:**

+ Tập trung các hoạt động hội thảo - tư vấn bán hàng tại đại lý bán lẻ.

+ Thực hiện các điểm trình diễn giới thiệu hiệu quả của quy trình sử dụng sản phẩm Vipesco.

+ Thực hiện các chương trình tọa đàm nông dân với quy mô số nông dân tham gia lớn.

+ Tổ chức các sự kiện chuyên đề về sản phẩm ở các tỉnh với quy mô nông dân tham gia lớn nhằm quảng bá sản phẩm và thương hiệu.

+ Thường xuyên thăm hỏi các đại lý cấp 1 và 2 nhằm thúc đẩy hoạt động bán sản phẩm Vipesco của đại lý.

+ Thực hiện các chương trình tọa đàm và khuyến nông trên truyền hình của một số đài địa phương.

+ Thực hiện các chương trình hội thảo giới thiệu về các vật tư thiết bị nông nghiệp công nghệ cao đến các sở ban ngành địa phương, các doanh nghiệp hiện đang đầu tư vào các dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và nông dân.

• **Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm.**

- Công tác Nghiên cứu hóa, công nghệ sản xuất, định mức vật tư: tổng số mẫu thử nghiệm trong năm 2018 là 2.320 công thức phối chế; trong đó 212 công thức áp dụng vào sản xuất; nghiên cứu cải tiến 13 sản phẩm đang lưu hành theo hướng nâng cao chất lượng, giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm và đã áp dụng đưa vào sản xuất.

- Công tác phát triển sản phẩm mới: trước tình hình ngày càng nhiều sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cao bị Nhà nước cấm lưu hành trên thị trường, công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có độ độc thấp, thân thiện

với môi trường được Công ty coi trọng và tập trung nhiều nguồn lực cho công tác này. Kết quả trong năm 2018 đã nghiên cứu hoàn thiện 21 công thức sản phẩm mới, trong đó 05 sản phẩm đã hoàn thiện hồ sơ đăng ký sản phẩm.

- Công tác đảm bảo chất lượng sản phẩm: trong năm đã thực hiện kiểm tra chất lượng 3.788 mẫu thử (Nguyên liệu, Bao bì, BTP, Thành phẩm, sản phẩm mới,..) đáp ứng kịp thời cho sản xuất, đảm bảo chất lượng đầu ra tốt nhất cho toàn bộ sản phẩm của Công ty.

- Công tác nghiên cứu, thử nghiệm sinh học: Trong năm đã tiến hành 124 thử nghiệm hiệu lực sinh học của sản phẩm đang kinh doanh, sản phẩm cải tiến và sản phẩm mới phục vụ cho công tác phát triển sản phẩm. Tham gia viết bài đăng trên báo Nông nghiệp, đài phát thanh; Tổng hợp 2,8 tấn giống Trichoderma cho sản xuất chế phẩm sinh học Vi- ĐK; Nghiên cứu làm thuần và định danh 20 bộ nấm gây bệnh trên cây trồng để phục vụ cho công tác kiểm tra nhanh hiệu lực của sản phẩm trong phòng thí nghiệm trước khi đưa ra thử nghiệm ngoài đồng ruộng.

- Ngoài ra còn nhiều biện pháp cải tiến kỹ thuật được áp dụng để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, góp phần tăng tính cạnh tranh của sản phẩm công ty trên thị trường.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo hợp nhất

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018			SO 2017
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
			GIÁ TRỊ	%	
Vốn Điều lệ, đồng	244,607,920,000	244,607,920,000	244,607,920,000	100.00%	100.00%
Vốn chủ sở hữu, đồng	343,837,954,884	344,368,452,214	340,300,839,075	98.82%	100.15%
Tổng doanh thu, đồng	801,593,675,437	760,000,000,000	737,397,716,999	97.03%	91.99%
Doanh thu thuần, đồng	757,467,360,972	714.540.000.000	697,376,326,051	97.60%	92.07%
Lợi nhuận trước thuế, đồng	51,190,741,891	48,800,000,000	37,434,542,223	76.71%	73.13%
Lợi nhuận sau thuế, đồng	40,712,238,701	39,740,000,000	28,725,929,746	72.28%	70.56%
Tỷ lệ LN	6.39%	6.42%	5.08%		

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018			SO 2017
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
			GIÁ TRỊ	%	
trước thuế/ D.Thu					
Lãi cơ bản/ Cổ phiếu, đồng	1,646	1,183	1,117		

+ Trong đó, các chỉ tiêu cơ bản của Công ty mẹ:

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018			SO 2017
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
			GIÁ TRỊ	%	
Vốn Điều lệ, đồng	244,607,920,000	244,607,920,000	244,607,920,000	100.00%	100.00%
Vốn chủ sở hữu, đồng	330,483,422,763	331,013,920,093	331,009,442,851	100.00%	100.16%
Tổng doanh thu, đồng	748,653,333,262	700,000,000,000	680,452,618,823	97.21%	90.89%
Doanh thu thuần, đồng	704,862,253,438	654.540.000.000	640,431,227,875	97.84%	90.86%
Lợi nhuận trước thuế, đồng	54,200,365,104	48,800,000,000	37,597,619,610	77.04%	69.37%
Lợi nhuận sau thuế, đồng	44,407,964,209	39,740,000,000	31,166,528,425	78.43%	70.18%
Tỷ lệ LN trước thuế/ D.Thu	7.24%	6.97%	5.53%		
Lãi cơ bản/ Cổ phiếu, đồng	1,714	1,568	1,217		

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource (Nhân Sự)

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ List, curriculum vitae and ownership percentage in

voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

1. Ông Nguyễn Thân - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.
2. Ông Hồ Thái Quang – Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh và Phát triển Thương hiệu.
3. Ông Thái Nguyên Luật - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán công ty.

a. Ông Nguyễn Thân – Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên:	NGUYỄN THÂN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/06/1968
Nơi sinh:	Thừa Thiên Huế
Số CMND:	024 713 413 Ngày cấp: 28/08/2014 Nơi cấp: CATP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	19A Mai Thị Lựu, Phường ĐaKao, Quận 1, TP.HCM
Số điện thoại công ty:	(84-28) 3829 5730
Địa chỉ email:	nguyenthao@vipesco.com.vn
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Thạc sĩ Nông nghiệp
Quá trình công tác:	
▪ Từ 05/1995-07/2003	Chuyên viên – Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 08/2003 đến 05/2006:	Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 06/2006 đến 03/2010:	Trưởng phòng Kinh doanh và PTTT – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 04/2010 đến 04/2014:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh và PTTT – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 05/2014 đến 11/2014:	Tổng Giám đốc – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 12/2014 đến 21/05/2016:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 22/05/2016 đến nay:	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
▪ Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam.	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
▪ Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries;	
▪ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sản xuất Nông dược vi sinh Viguato;	

▪ Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Trừ môi Khử trùng;
Tổng số CP nắm giữ tại thời điểm 06/12/2018: 3.709.269 cổ phần chiếm 15,164% vốn điều lệ
Trong đó:
▪ Đại diện phần vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 3.669.120 cổ phần, chiếm 15,000% vốn điều lệ
▪ Cá nhân sở hữu: 40.149 cổ phần, chiếm 0,164% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ: Đã hết thời hạn cam kết nắm giữ cổ phiếu

b. Ông Hồ Thái Quang – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	HỒ THÁI QUANG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/07/1976
Nơi sinh:	Nam Định
Số CMND:	162606280 ngày cấp 09/02/2006 Nơi cấp: CA Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	97/31 đường 8, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP HCM.
Số điện thoại công ty:	(84-28) 3823 0751
Địa chỉ email:	hothaiquang@vipesco.com.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế (QTKD)
Quá trình công tác:	
▪ Từ 2004 đến 06/2006	Đại diện Công ty Xà Phòng Hà Nội tại TP. Hồ Chí Minh
▪ Từ 07/2006 đến 10/2010	Phụ trách Quảng bá – Thị trường, Công ty CP Khử Trùng Việt Nam
▪ Từ 11/2010 đến 07/2011	Chuyên viên phụ trách Marketing quảng bá - Công ty CP Thuốc Sát Trùng Việt Nam
▪ Từ 08/2011 đến 12/2014	Phó Trưởng phòng Kinh doanh - Phát triển Thương hiệu, Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 01/2015 đến 15/09/2017	Trưởng phòng Kinh doanh - Phát triển Thương hiệu, Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 15/09/2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh - Phát triển Thương hiệu, Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
▪ Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh và PTTT Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ tại thời điểm 06/12/2018:	Không có

c. Ông Thái Nguyên Luật – Kế toán trưởng

Họ và tên:	THÁI NGUYỄN LUẬT
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	29/04/1972
Nơi sinh:	TP.HCM
Số CMND/CCCD:	079072007760 Ngày cấp: 27/11/2017 Nơi cấp: CCSDKQLCTVDLQGVDC
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	98 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM
Số điện thoại công ty:	(84-28) 3911 8419
Địa chỉ email:	thainguyenluat@vipesco.com.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
▪ Từ 01/1997 đến 05/2006	Chuyên viên Phòng TC-KT Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 06/2006 đến 06/2007:	Phó phòng TC-KT Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 07/2007 đến 05/2008:	Quyền trưởng phòng TC-KT tại CTCP Thuốc sát trùng VN
▪ Từ 06/2008 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
▪ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
▪ Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Mosfly Việt Nam Industries	
▪ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Trừ mối - Khử trùng	
Tổng số CP nắm giữ tại thời điểm 06/12/2018: 1.568 cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ	
Trong đó:	
▪ Cá nhân sở hữu:	1.568 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ:	Đã hết thời hạn cam kết nắm giữ cổ phiếu

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year): Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 408 người.

Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: trình bày tại mục 6.5 ở phần sau.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Hiện Công ty đang chuẩn bị triển khai lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy gia công, sang chai, đóng gói thuốc Bảo vệ thực vật tại Khu công nghiệp Đức Hòa 1 – Long An với công suất 20.000 tấn sản phẩm/năm.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

Công ty TNHH SX Nông dược Vi sinh Viguato

Theo Giấy Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000383 ngày 04/12/2008 của UBND Tp.HCM, Công ty TNHH Sản Xuất Nông Dược Vi Sinh VIGUATO có thời hạn hoạt động của Công ty là 20 năm, từ 08/6/1994 đến 08/06/2014. Năm 2014 Công ty xin gia hạn hoạt động lần thứ nhất tại vị trí hiện hữu thêm 3 năm đến 08/06/2017 để chuẩn bị đầu tư xây dựng nhà máy mới; nhưng do thủ tục đầu tư và tìm kiếm địa điểm đặt nhà máy bị kéo dài, báo cáo nghiên cứu khả thi không hiệu quả nên đến nay chưa triển khai được. Năm 2017, Công ty tiếp tục xin gia hạn hoạt động đến 31/12/2019 tại vị trí cũ để có thêm thời gian chuẩn bị cho dự án mới.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhìn chung thuận lợi từ 2011-2013; từ năm 2014 do tình trạng máy móc thiết bị đã quá cũ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị tăng cao nên hiệu quả sản xuất thấp, tình hình thị trường không thuận lợi, ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả SXKD của Công ty. Hội đồng thành viên Công ty Viguato chủ trương xây dựng nhà máy mới nên không đầu tư cho địa điểm hiện nay, chỉ sửa chữa khắc phục để hoạt động nhằm duy trì việc làm và thị trường, chuẩn bị cho nhà máy mới; do đó từ 2014 đến nay sản lượng sản xuất sụt giảm mạnh khoảng 30-35% so với các năm trước, chi phí hoạt động tăng, ảnh hưởng hiệu quả SXKD của Công ty.



Tuy nhiên, từ năm 2017, 2018 thị trường tiêu thụ thuận lợi, cùng với đó Công ty Viguato đã có những biện pháp tích cực trong công tác quản lý nên đã mang đến những hiệu quả SXKD nhất định.

Công ty TNHH MOSFLY Việt Nam Industries (MVI)

Sau khi Công ty TNHH Mosfly Việt Nam hết hạn hoạt động, để duy trì và phát triển thị trường thuốc gia dụng, Công ty TNHH MOSFLY Việt Nam Industries (MVI) được hình thành bởi hai nhà đầu tư là Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam (Việt Nam) và Mosfly International SDN. BHD (Maylaysia) theo giấy chứng nhận đầu tư số 9816568687 cấp ngày 20/05/2013 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương. Vốn điều lệ là: 2.000.000 Đôla Mỹ, tỉ lệ vốn: 50/50. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh Thuốc sát trùng gia dụng và hóa mỹ phẩm. Ngày bắt đầu hoạt động sản xuất: 01/01/2015, thời hạn: 17/11/2060. Địa chỉ trụ sở: Lô J4, đường N4, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, TX Tân Uyên, Bình Dương.

Kể từ Công ty Công ty TNHH MOSFLY Việt Nam, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm đầu đi vào hoạt động nhìn chung không có biến động lớn. Sản phẩm tiếp tục được khẳng định trên thị trường thuốc Gia dụng.

Tuy nhiên, đến năm 2017 thị trường thuốc gia dụng có những biến động mạnh mẽ, với sự tham gia của những Công ty lớn đến từ Thái Lan, Mỹ, Nhật bản làm cho thị trường cạnh tranh khốc liệt hơn, doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh đang có dấu hiệu sụt giảm. Đặc biệt trong năm 2018, Công ty TNHH MOSFLY Việt Nam Industries (MVI) đã áp dụng các biện pháp tích cực, khẩn cấp để củng cố thị trường, đẩy mạnh doanh thu, cắt giảm chi phí, cơ cấu nhân sự, sắp xếp sản xuất nhằm mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh, tuy nhiên vẫn chưa mang lại hiệu quả và khả năng phục hồi.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/% <i>change</i>
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	611,177,076,035	565,230,188,978	-8.13%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	757,467,360,972	697,376,326,051	-8.62%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	51,370,217,081	37,095,116,212	-38.48%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	-179,475,190	339,426,011	152.88%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	51,190,741,891	37,434,542,223	-36.75%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	40,712,238,701	28,725,929,746	-41.73%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	78.11%	102.18%	

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year	Năm/Year	Ghi chú/Note
	2017	2018	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : [Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn(<i>Short term Asset/Short term debt</i>)]	1.79	1.86	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset - Inventories</i>)/ <i>Short term Debt</i>]	1.13	1.22	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0.44	0.4	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0.78	0.66	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> [(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>))]	3.35	3.21	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	1.24	1.23	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	5.37%	4.12%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	11.84%	8.44%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	6.66%	5.08%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	6.78%	5.32%	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions*:

Chỉ tiêu/ <i>Figures</i>	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/ <i>Capital scale</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			

- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and*

commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	Number of transfer restriction shares	Number of free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
I. Người nội bộ/ Internal persons	-	5.003.451	5.003.451	20,45%
1. Hội đồng quản trị/ <i>Managing Board</i>	-	4.988.869	4.988.869	20,40%
2. Ban Giám đốc/ <i>Board of Directors</i>	-	-	-	-
3. Ban kiểm soát/ <i>Control Board</i>	-	8.310	8.310	0,03%
4. Giám đốc tài chính/ <i>Chief financial officer</i>	-	-	-	-
5. Kế toán trưởng/ <i>Chief accountant</i>	-	1.568	1.568	0,00%
6. Người được ủy quyền CBTT/ <i>Party authorized to disclose information</i>	-	4.704	4.704	0,02%
II. Cổ phiếu quỹ/ Treasury stocks	-	-	-	-
III. Công đoàn Công ty/ Labor Union	-	105	105	0,00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Shareholders own preferred stocks (If any)	-	-	-	-
V. Cổ đông khác/ Other Shareholders	-	19.457.236	19.457.236	79,55%
1. Trong nước/ Domestic	-	19.286.033	19.286.033	78,85%
1.1 Cá nhân/ <i>individual</i>	-	5.239.852	5.239.852	21,42%
1.2 Tổ chức/ <i>Institutional</i>	-	14.046.181	14.046.181	57,42%
- Trong đó Nhà nước/ <i>State Shareholders:</i>	-	12.475.008	12.475.008	51,00%
2. Nước ngoài/ Foreign	-	171.308	175.398	0,70%
2.1 Cá nhân/ <i>Individual</i>	-	3.378	3.378	0,01%
2.2 Tổ chức/ <i>Institutional</i>	-	167.930	167.930	0,69%
TỔNG CỘNG/TOTAL:	-	24.460.792	24.460.792	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 06/12/2018)

Ghi chú: - Hiện nay tại Công ty không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng.
- Công ty không có chứng khoán giao dịch, lưu hành ở nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*) Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông Nhà nước/The State as shareholder	12.475.008	51,00%	1	1	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/ Founder/ FDI Shareholder	-	-	-	-	-
	- Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn/ Major Shareholders	7.011.700	28,67%	2	-	2
	- Trong nước/Domestic	7.011.700	28,67%	2	-	2
	- Nước ngoài/Foreign	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty/ Labor Union	105	0,00%	1	1	-
	- Trong nước/Domestic	105	0,00%	1	1	-
	- Nước ngoài/Foreign	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ/ Treasury shares	-	-	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Preferred stocks	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác/ Other shareholders	4.973.979	20,33%	501	32	469
	- Trong nước/ Domestic	4.802.671	19,63%	492	28	464
	- Nước ngoài/Foreign	171.308	0,70%	9	4	5
TỔNG CỘNG/ TOTAL		24.460.792	100,00%	505	34	471
Trong đó:						
- Trong nước/Domestic		24.289.484	99,30%	496	30	466
- Nước ngoài/Foreign		171.308	0,70%	9	4	5

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 06/12/2018)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

Không có.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

- Công ty thực hiện quan trắc chất lượng môi trường với tần suất: nước thải 01 tháng/1 lần, nước mặt 03 tháng/ 01 lần, khí thải 03 tháng/ 01 lần, và thực hiện báo cáo giám sát 01 năm/01 lần; báo cáo quản lý chất thải nguy hại 01 năm/02 lần.

- Thực hiện diễn và lập báo cáo về việc ứng phó với sự cố hóa chất/diễn tập PCCC 01 năm/01 lần .

- Thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC, kế hoạch ứng cứu sự cố khẩn cấp.

- Điều kiện nhà xưởng, kho tàng: hệ thống thu lôi, chống sét:

+ Nhà xưởng, kho tàng đều đáp ứng với các yêu cầu quy định về ứng phó sự cố hóa chất, PCCC : Rãnh/ hồ thu gom chống cháy tràn, nền tráng Epoxy/Bê tông chống thấm, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy, thoát hiểm, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố hoá chất.

+ Hệ thống thu lôi, chống sét: lắp đặt tất cả các khu vực văn phòng, kho, sản xuất và được đo kiểm điện trở nối đất 01 năm/01 lần.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Số người lao động trong Công ty: Tính đến ngày 31/12/2018, số lao động trong danh sách của Công ty là 408 người. Trong đó:

- Lao động có HĐLĐ không xác định thời hạn: 293 người.
- Lao động có HĐLĐ có thời hạn: 115 người

TT	Trình độ	31/12/2018	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Sau Đại học	08	1,96%
2.	Đại học	169	41,42%
3.	Cao đẳng	20	4,90%
4.	Trung học chuyên nghiệp	26	6,37%
5.	Trình độ khác	185	45,35%
	Tổng số	408	100,00%

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam thực hiện nghiêm chỉnh Bộ luật Lao động của Nhà nước Việt Nam, xây dựng Thỏa ước lao động tập thể, triển khai cụ thể đến toàn thể Người lao động.

Công ty đã ban hành Thang bảng lương mới theo Quy định của Chính phủ với mức lương tối thiểu của Doanh nghiệp là 4.000.000đ cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng 1 (Năm 2018 là 3.980.000 đồng/tháng). Công ty thực hiện đúng việc nộp và thanh toán đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội bắt buộc, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách cho Người lao động theo đúng quy định. Công ty đã tham gia Bảo hiểm tai nạn con người 24/24h cho tất cả Người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ để phát hiện bệnh nghề nghiệp, thực hiện chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại và nghỉ dưỡng sức đúng đối tượng.

Công ty thực hiện tốt công tác Bảo hộ lao động, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân, thực hiện nghiêm các quy chế an toàn trong sản xuất. Công ty có hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt, vệ sinh đầy đủ và an toàn cho người lao động.

Công ty đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, thu nhập từ tiền lương bình quân của người lao động trong năm 2018 là 9.466.000 đồng/tháng.

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các chuyến du lịch, nghỉ mát cho toàn bộ Người lao động, tổ chức các hoạt động thể thao, giải trí hàng năm, nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty liên tục thực hiện các chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động, đánh giá mức độ hoàn thành công việc và nâng mức hiệu quả công việc đối với người lao động gián tiếp. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn cho nhân viên với hình thức mời giảng viên về dạy hoặc cử nhân viên tham gia các khóa học do các Trung tâm đào tạo tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*



6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).

Năm 2018 việc kinh doanh của Công ty chưa đạt như kỳ vọng do gặp rất nhiều khó khăn trong vấn đề cung ứng nguyên liệu vật liệu, tình hình thời tiết, giá cả nông sản giảm và chính sách cấm và hạn chế một số hoạt chất sử dụng như đã đề cập tại phần nhận định chung.

Kết quả sản xuất trong năm 2018 như sau:

ĐVT: TẤN

ĐƠN VỊ	NĂM 2017			NĂM 2018			SO SÁNH 2018/ 2017
	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ	
PHÍA NAM	12,416	12,49	101%	13,083	8,643	66,1%	69,20%
CHI NHÁNH 1	313	195	62%	245	193	78,8%	99,00%
CHI NHÁNH 2	984	437	44%	371	321	86,5%	73,50%

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Tổng tài sản trong năm giảm 8,13% so với năm 2017 (tương đương - 45.946.887.056 đồng) chủ yếu từ các nhóm trọng điểm sau:

Tổng tài sản ngắn hạn giảm 59.645.565.853 đồng, tương đương 14,28%, trong đó tiền, tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng giảm 36.746.239.134 đồng, tương đương 69,05%.

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 15.000.000.000 đồng, tương đương 42,86%.

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 20.046.783.742 đồng, tương đương 11,86%. Công tác kiểm soát các khoản phải thu luôn được chú trọng, tuy nhiên trong năm 2018 tình hình khó khăn, nguồn thanh toán từ các đại lý chậm làm cho các khoản phải thu của đơn vị tăng lên. Trong năm 2018 công ty cũng đã áp dụng các chính sách kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, tăng chi phí tài chính hợp lý để đẩy nhanh công tác thu hồi nợ, từ đó giúp cho chỉ tiêu phải thu tuy có tăng nhưng ổn định và đang trong khoản kiểm soát an toàn.

Hàng tồn kho giảm 32.819.812.862 đồng so với cùng kỳ 2017, tương đương 22,89%, đây là một tín hiệu tích cực, lượng hàng hóa vẫn đảm bảo cho nhu cầu sản xuất, tiêu thụ, việc giảm lượng hàng dự trữ trong năm 2018 là kết quả của công tác lập kế hoạch tiêu thụ, mua hàng sản xuất và hợp lý và hiệu quả hơn.

Tài sản ngắn hạn khác tăng 4.873.702.400 đồng, tương đương với 28,7%, chủ yếu do khoản thuế VAT còn được khấu trừ tăng lên do khoản thanh toán thuê đất tại khu công nghiệp Hạnh phúc, Long An.

Tổng tài sản dài hạn tăng 13.698.678.797 đồng, tương đương 9,28% trong đó tăng chủ yếu là nguồn đầu tư vào máy móc, thuê đất xây dựng nhà xưởng là 32.046.524.226 đồng, tương đương với 43,60%, khoản đầu tư tài chính giảm 7.251.384.832 đồng, tương đương với 35,38%, và khấu hao tài sản cố định làm cho tổng tài sản giảm 7.308.339.171 đồng, tương đương 14,72%.

Một số lý do ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính:

Tài sản ngắn hạn trong năm vừa qua có những điều chỉnh, nguồn vốn lưu động trước đây vẫn chưa sử dụng hết nguồn lực, trong năm 2018 dòng vốn lưu động được điều chỉnh một phần sử dụng thanh toán tiền thuê đất xây dựng nhà máy tại KCN Hạnh Phúc, Long An, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến việc đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng thanh toán và dự trữ hàng hóa kinh doanh Công.

Công ty đã liên tục có những chính sách nhằm đảm bảo chỉ số các khoản phải thu bán hàng ở mức hợp lý, giúp cho nguồn vốn lưu động linh hoạt hơn, tuy nhiên trong năm 2018, nguồn tiền của các đại lý cũng như trong nông dân khan hiếm, cùng với việc chính sách bán hàng mùa vụ cuối năm của Công ty làm cho

khoản phải thu khách hàng tăng thêm 20.046.783.742 đồng, dự kiến sẽ về mức 130 tỷ trong quý 1.2019.

b) **Tình hình nợ phải trả/ Liabilities**

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Nợ phải trả của Công ty giảm 42.409.771.248 đồng, tương đương 18,87% chủ yếu tập trung vào 2 chỉ tiêu chính:

+ Nguyên nhân chính là do trong giai đoạn khan hiếm nguyên vật liệu chính, các đối tác Trung Quốc và trong nước áp dụng chính sách tiền mặt, làm cho việc chiếm dụng vốn của nhà cung cấp giảm mạnh so với cùng kỳ 2017.

+ Khoản phải trả do khách hàng thanh toán trước tăng lên do Công ty có những chính sách bán hàng hợp lý và mối quan hệ gắn kết, uy tín với khách hàng.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán*

(nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers*

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

Hội đồng quản trị của Công ty có 5 thành viên, từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 danh sách thành viên HĐQT của Công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
No.	Name	Position	Number of Transfer restriction shares	Number of Free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
1	Nguyễn Thân	UV HĐQT kiêm TGD, đại diện vốn NN tại DN <i>Member of the Managing Board, General Director, Persons represent for the ownership of the State</i>	-	40.149	40.149	0,16%
2	Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch HĐQT, đại diện vốn NN tại DN <i>Chairman of the Managing Board, Persons represent for the ownership of the State</i>	-	-	-	-
3	Trần Thắng	UV HĐQT, đại diện vốn NN tại DN <i>Member of the Managing Board, persons represent for the ownership of the State</i>	-	-	-	-
4	Nguyễn Đức Thuận	UV HĐQT <i>Member of the Managing Board</i>	-	4.948.720	4.948.720	20,23%
5	Nguyễn Đình Nhuận	UV HĐQT <i>Member of the Managing Board</i>	-	-	-	-

Trong đó, thành viên HĐQT độc lập: 01 người (Ông Nguyễn Đình Nhuận).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

Công ty có 01 tiểu ban trực thuộc HĐQT là: Tiểu ban quan hệ cổ đông.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Hoạt động của HĐQT bảo đảm tuân thủ đúng trách nhiệm và quyền hạn theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Căn cứ vào chiến lược kinh doanh và tình hình thực tế cụ thể trong từng thời điểm để đưa ra các quyết định nhằm mang lại lợi ích cho Công ty và cổ đông. Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp, ban hành 25 Nghị quyết và Quyết định chỉ đạo các hoạt động quản lý, tổ chức và sản xuất-kinh doanh của Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2018

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-TST-HĐQT	26/01/2018	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua báo cáo hoạt động sx-kd năm 2017.Giao kế hoạch sx-kd quý 1/2018- Thông qua báo cáo về hoạt động đầu tư xd năm 2017 và kh đầu tư 2018.Cho phép tiến hành lập báo cáo nghiên cứu kinh tế kỹ thuật đối với Dự án nhà máy sang chai, đóng gói thuốc BVTV tại Long An.- Thông qua KH sửa đổi Điều lệ, qui chế; kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ
2	02/NQ-TST-HĐQT	13/04/2018	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua kế hoạch sx-kd năm 2018.Giao kế hoạch sx-kd quý 2 năm 2018- Thông qua báo cáo về hoạt động đầu tư xd quý 1/2018- UQ cho Tổng GD ký Hợp đồng tín dụng với hạn mức 80 tỷ đồng- Thông qua các nội dung BC và tờ trình tại ĐHĐCĐ
3	03/NQ-TST-HĐQT	30/05/2018	<ul style="list-style-type: none">- Phê duyệt & chấp thuận nghiệm thu Báo cáo NCKT dự án Validamycin- Dừng, không thực hiện dự án Nhà máy nông dược sx Validamycin
4	04/NQ-TST-HĐQT	01/06/2018	<ul style="list-style-type: none">- Lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán -



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			AASC để kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty
5	05/NQ-TST-HĐQT	22/06/2018	- Ban hành Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung đã được ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua.
6	06/NQ-TST-HĐQT	07/08/2018	- Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
7	07/NQ-TST-HĐQT	19/07/2018	- Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất-kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 - Thông qua báo cáo về hoạt động đầu tư của Công ty 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch đầu tư 6 tháng cuối năm - Thông qua về mặt chủ trương việc dừng Dự án Lò đốt chất thải nguy hại.
8	08/NQ-TST-HĐQT	24/10/2018	- Thông qua các báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2018 và Kế hoạch sản xuất - kinh doanh Quý IV/2018. - Thông qua báo cáo về hoạt động đầu tư của Công ty 9 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch đầu tư Quý IV/2018. - Chấp thuận về mặt chủ trương để triển khai quy trình bổ nhiệm lại chức danh Trưởng phòng Nhân sự - hành chính đối với ông Trần Thanh Bình sắp hết thời hạn bổ nhiệm. - Giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Hồng Hà Phó Giám đốc Chi nhánh 1 phụ trách quản lý, điều hành Chi nhánh 1. - Thông qua các quy chế: + Quy chế tài chính + Quy chế mua sắm + Quy chế quản lý dự án đầu tư.
9	09/NQ-TST-HĐQT	21/11/2018	- Triển khai thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2018
10	10/NQ-TST-HĐQT	05/12/2018	- Dừng Dự án nhà máy sản xuất nông dược và gia dụng tại Nam Định
11	01/QĐ-TST-HĐQT	29/01/2018	Bổ nhiệm lại Ông Thái Nguyên Luật Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính-Kế toán
12	02/QĐ-TST-HĐQT	29/01/2018	Kéo dài thời gian chức vụ GD CN1 đối với Ông Đinh Quốc Thắng
13	03/QĐ-TST-HĐQT	09/03/2018	Phê duyệt quỹ tiền lương của Người lao động 2017
14	04/QĐ-TST-HĐQT	09/03/2018	Phê duyệt quỹ tiền lương của Người quản lý Công ty 2017
15	05/QĐ-TST-HĐQT	25/10/2018	Thôi giữ chức vụ quản lý đối với Ông Đinh Quốc Thắng



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	06/QĐ-TST-HĐQT	25/10/2018	Giao nhiệm vụ cho Ông Nguyễn Hồng Hà điều hành CNI
17	07/QĐ-TST-HĐQT	01/11/2018	Ban hành Quy chế Tài chính
18	08/QĐ-TST-HĐQT	01/11/2018	Ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa
19	09/QĐ-TST-HĐQT	01/11/2018	Ban hành Quy chế Quản lý dự án đầu tư

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Stt	Tên cá nhân	Địa chỉ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Tỷ lệ CP sở hữu
1	2	3	4	5	6	7
1	Nguyễn Xuân Khánh	34A Thăng Long, P4. Quận Tân Bình	024294329	26/7/2004	TP.HCM	0,033972%
2	Phạm Văn Chương	TT 5 C6 Khu Đô Thị Văn Quán, Yên Phúc, Hà Đông, Hà Nội	111351128	19/02/2011	Hà Nội	0,0%
3	Đặng Thị Hà	KP5, Phường Phước Long, Quận 9, HCM	025255986	26/06/2010	TP. HCM	0,00%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of*

Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings).

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được qui định tại Luật Doanh nghiệp; điều lệ Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ của Công ty, quy chế nội bộ về quản trị Công ty; các Quy định của Pháp luật hiện hành.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát Công ty đã có 03 cuộc họp, thành phần tham dự mỗi cuộc ít nhất là 2 thành viên. Nội dung các cuộc họp bao gồm:

- Lên kế hoạch và phân công, phân nhiệm cho từng thành viên của Ban kiểm soát trong hoạt động thường kỳ /hoặc xử lý sự cố bất thường (nếu có) năm 2018.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty. Giám sát việc thực thi Pháp luật, chấp hành nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật.

- Định kỳ trao đổi thông tin, nhiệm vụ giữa các thành viên Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty.

- Thực hiện giám sát các báo cáo tài chính định kỳ (*báo cáo quý; bán niên; báo cáo năm*) của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và công bố thông tin.

- Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện công tác Kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Đưa ra các ý kiến và kiến nghị về Báo cáo tài chính. Lập báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính.

- Giám sát việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cũng như việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2018 theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên, và Nghị quyết triển khai thực hiện việc tạm ứng cổ tức.

- Phối hợp với các Phòng ban chức năng, trao đổi thông tin, tài liệu, đề ra các giải pháp cụ thể trong thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra và giám sát. Cụ thể, Ban kiểm soát Công ty đã đưa ra nhiều kiến nghị được HĐQT và Ban điều hành Công ty tiếp thu và có biện pháp xử lý kịp thời. Ngoài ra công tác thu hồi nợ khó đòi trong năm 2018 cũng được Ban kiểm soát Công ty kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành để kịp thời đưa ra biện pháp quyết liệt hơn trong việc xử lý nợ xấu tại các đơn vị thành viên trong Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH NĂM 2018

ĐVT: Ngân đồng

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG	THƯỞNG	THÙ LAO	PHỤ CẤP
I. Hội đồng quản trị			398.034	272.083	312.000	109.200
1	Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch HĐQT			72.000	
2	Nguyễn Thân	Ủy viên HĐQT-TGD	398.034	272.083	60.000	109.200
3	Trần Thắng	Ủy viên HĐQT			60.000	
4	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên HĐQT			60.000	
5	Nguyễn Đình Nhuận	Ủy viên HĐQT			60.000	
II. Ban Kiểm soát			251.064	87.148	72.000	30.876
1	Nguyễn Xuân Khánh	Trưởng ban	251.064	87.148		30.876
2	Phạm Văn Chương	Ủy viên			36.000	
3	Đặng Thị Hà	Ủy viên			36.000	
III. Cán bộ quản lý			655.212	584.976	-	189.979
1	Hồ Thái Quang	Phó Tổng Giám đốc	333.732	379.598		94.989
2	Thái Nguyên Luật	Kế toán trưởng	321.480	205.378		94.989
Tổng cộng			1.304.310	944.207	384.000	330.054

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about share transactions of the members of*

Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).

Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.*

Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).*

Công ty thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty. Công ty đang rà soát các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2014: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã điều chỉnh các quy định trong Điều lệ Công ty theo các quy định mới của Luật; các Quy chế, quy định nội bộ đang tiếp tục được dự thảo điều chỉnh.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018; cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements*

Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp

trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty (gồm BCTC hợp nhất và BCTC riêng của công ty mẹ): www.vipesco.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



Nguyễn Thân

C.P.